

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 334/2024/DS-PT

Ngày: 26-06-2024

“V/v Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Chí Tâm

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đền, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 06 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 369/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

* Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị V: Anh Hồ Quốc T1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy ngày 08/6/2023 (BL 201);

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hồ Quốc T1, sinh năm 1990 (con bà V);

2. Anh Hồ Thanh T2, sinh năm 1981 (con bà V);

3. Anh Hồ Quốc T3, sinh năm 1987 (con bà V);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Hồ Thị Hồng T4, sinh năm 1985 (con bà V);

Địa chỉ: Tổ C, ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T2, anh T3, chị T4: Anh Hồ Quốc T1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy ngày 09/8/2023 (BL 205, 207); 10/8/2023 (BL 196);

5. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1962 (vợ ông T);

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy ngày 19/5/2022 (BL 53);

6. Ông Bùi Thái B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người kháng cáo: Bà Trần Thị V là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 15/03/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/09/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:*

Ngày 04/7/2014 vợ chồng ông S, bà V có lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông T phần đất có tổng diện tích 2.500m² gồm các thửa 506 diện tích 406 m², thửa 857 diện tích 2094 m², cùng tờ bản đồ số 6, đất tại ấp P, xã P, huyện T do hộ ông Hồ Văn S1 đứng tên với giá 25 chỉ vàng SJC. Tại thời điểm chuyển nhượng không có giao vàng, số vàng ghi trong hợp đồng là do ông S1, bà V nợ tiền vay, tiền thuê đất, tiền cổ đất, tiền lãi còn nợ những năm trước tổng số tiền 76.600.000đ quy ra vàng tại thời điểm đó là 25 chỉ vàng SJC. Lý do quy ra vàng vì sợ mất giá và ông S1 không có khả năng đóng lãi, và hứa trong vòng sáu năm ông S1 sẽ mua lại đất, nên ông T chỉ làm hợp đồng chuyển nhượng viết tay chứ chưa chuyển quyền sang tên. Đất sau khi chuyển nhượng ông T tiếp tục cho bà V, ông S1 thuê và hiện nay bà V đang canh tác. Tuy nhiên, khi làm thủ tục chuyển nhượng tại xã P thì con ông S1 không đến ký cho nên sự việc tranh chấp đến nay.

Nay ông T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/7/2014, yêu cầu bà V và các con của bà V, ông S1 trả lại 25 chỉ vàng SJC. Diện tích đất tranh chấp hiện nay gia đình bà V đang canh tác, ông T không quản lý, sử dụng. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/06/2022 và ngày 25/08/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị V có anh Hồ Quốc T1 đại diện ủy quyền trình bày:

Bà thừa nhận trước đây, vợ chồng bà có thiếu nợ bà N (vợ ông T) số tiền nợ là 74.000.000đ, do thiếu nợ nên bà N yêu cầu bà cắt phần đất diện tích 2.500 m² để trừ số tiền nợ. Phần đất này vợ chồng bà chưa chuyển quyền sang tên cho ông T. Tờ hợp đồng chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 04/07/2014 đúng là chữ ký của vợ chồng bà, nhưng thời điểm đó bà chỉ nợ tiền, không có nhận vàng như nội dung tờ chuyển nhượng. Mặt khác, đối với phần diện tích đất 2.500m², sau khi làm tờ chuyển nhượng ông T cũng đã cho vợ chồng bà thuê lại diện tích đất này.

Tại phiên tòa anh T1 đại diện ủy quyền cho bà V cho rằng bà V, ông S1 chỉ nợ tiền vay ông T, bà N là 29.500.000đ theo biên nhận ngày 12/06/2012, ngoài ra không nợ khoản tiền nào khác. Nay bà V đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất nêu trên, đồng ý trả cho ông T, bà N số tiền nêu trên.

Đối với phần đất có tổng diện tích 2.500m² gồm các thửa 506 diện tích 406 m², thửa 857 diện tích 2094 m², cùng tờ bản đồ số 6, đất tại ấp P, xã P, huyện T do hộ ông S1 đứng tên hiện nay ông B đang bao chiếm. Nay bà V yêu cầu ông B trả lại cho bà V,, không đồng ý tách vụ án đối với ông B. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thái B trình bày:

Phần đất theo hợp đồng chuyển nhượng giữa bà V và ông T có diện tích 2.500 m² tại thửa 506 diện tích 406 m², thửa 857 diện tích 2094 m², cùng tờ bản đồ số 6, đất tại ấp P, xã P, huyện T do hộ ông S1 đứng tên ông không có cạnh tác phần đất này, ông không biết phần đất trên có vị trí ở đâu, nay bà V yêu cầu ông trả đất trên cho bà V, ông không đồng ý vì ông không có bao chiếm đất của bà V.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hồ Quốc T1, anh Hồ Thanh T2, anh Hồ Quốc T3, chị Hồ Thị Hồng T4 có anh T1 đại diện ủy quyền: Thống nhất ý kiến bà V, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, thống nhất ý kiến ông T, không có ý kiến gì thêm.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T5 với bà Trần Thị Vàngông Hồ Văn S2.

2/- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Nguyễn Đình T6 Đặng Thị N, bà Trần Thị V1 Hồ Văn S2 về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

3/- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đình T6 Đặng Thị N đối với bà Trần Thị Vàngông Hồ Văn S2.

4/- Buộc bà Trần Thị V2 các con gồm: anh Hồ Quốc T1, anh Hồ Thanh T2, anh Hồ Quốc T3, chị Hồ Thị Hồng T4 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Đình T7 (Hai mươi năm) chỉ vàng SJC.

5/- Về án phí:

- Bà Trần Thị V3 người cao tuổi (hiện 64 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không đề cập xử lý.

- Anh Hồ Quốc T1, anh Hồ Thanh T2, anh Hồ Quốc T3, chị Hồ Thị Hồng T4 liên đới chịu 7.869.000đ (Bảy triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đình T8 chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 31 tháng 01 năm 2024, bà Trần Thị V kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Hồ Quốc T1 người đại diện ủy quyền của bà Trần Thị V trình bày: Bà Trần Thị V không chấp nhận toàn bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông nên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án số 03/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, với 4 lý do sau:

- Vi phạm nghiêm trọng về quyền được yêu cầu thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

- Vi phạm nghiêm trọng trong xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng vay tài sản*”, cấp sơ thẩm tách ra thành 02 vụ. Vụ 1 là “*Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”, vụ 2 là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tách làm 02 vụ là sai. Bởi vì, vụ việc Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng vay tài sản có mối quan hệ nhân quả với nhau, đó đó không thể tách thành 02 vụ để giải quyết được.

- Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của bà V là có đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thái B tham gia trong vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông B có mặt tại phiên tòa mà cho rằng ông B không liên quan trong vụ án này nên không triệu tập ông B là không đúng pháp luật.

- Bà V không đồng ý quyết định bản án buộc bà V và các con, gồm: anh Hồ Quốc T1, anh Hồ Thanh T2, anh Hồ Quốc T3, chị Hồ Thị Hồng T4 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Đình T7 chỉ vàng SJC.

Từ những cơ sở trên bà V không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, chủ tọa phiên tòa cấp sơ thẩm đã tước quyền yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, bản

án xác định quan hệ pháp luật sai, tư cách đương sự thiếu sót, xác định địa chỉ nơi cư trú của người có quyền lợi nghĩa vụ không đúng, phần nhận định và quyết định của bản án đều sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V, tuyên giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo bà Trần Thị V nộp trong hạn luật định nên kháng cáo được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.
- Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

[2]. Xét kháng cáo của bà Trần Thị V:

Về nội dung vụ kiện: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 04/07/2014 giữa ông Hồ Văn S2, bà Trần Thị V với ông Nguyễn Đình T, bà Đặng Thị N đối với đất nông nghiệp diện tích 2.500m², đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, với giá 25 chỉ vàng SJC (**BL 25**) và yêu cầu bà V và các con bà V và ông S2 trả lại cho ông T 25 chỉ vàng SJC. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất*” theo Điều 500 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

[3] Xét nội dung kháng cáo: Các nguyên, bị đơn ông T bà V đều thừa nhận vào ngày 04/07/2014 giữa ông Hồ Văn S2, bà Trần Thị V với ông Nguyễn Đình T, bà Đặng Thị N tự nguyện ký kết hợp đồng chuyển nhượng đối với đất nông nghiệp diện tích 2.500m², đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, với giá 25 chỉ vàng SJC. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 04/7/2014 và yêu cầu bà V và các con bà V trả lại số vàng 25 chỉ vàng SJC. Bị đơn bà V đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất nêu trên nhưng không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Chỉ đồng ý

trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 29.500.000đ. Do đó, HĐXX xác định nội dung tranh chấp còn lại của vụ kiện là giá trị chuyển nhượng để bên đã nhận tiền hay vàng (bà V và các con kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông S2) do ông T thanh toán hợp đồng chuyển nhượng trả lại cho bên nhận chuyển nhượng ông T.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy theo nội dung giao kết trong hợp đồng chuyển nhượng QSD đất 04/7/2014 giữa vợ chồng ông T, bà N với vợ chồng ông S2, bà V là có thật và có ghi nhận bên bán đất (ông S2, bà V) đã nhận đủ 25 chỉ vàng SJC-10 tuổi và số vàng này đã được các bên thỏa thuận thỏa thuận quy đổi từ tiền nợ vay là **76.600.000đ** theo biên nhận ngày 15/02/2014 (**BL 211**) là có cơ sở, phù hợp với thời giá vàng thị trường năm 2014 và biên nhận nợ ngày 15/02/2014 AL bà V thừa nhận đã ký tên. Đồng thời, theo biên bản lấy lời khai ông Hồ Văn S2 ngày 21/5/2018 (**BL 87**) cũng thừa nhận vợ chồng ông S2, bà V có việc chuyển nhượng đất cho ông T, bà N với giá 25 chỉ vàng SJC và ông S2, bà V thuê đất lại canh tác mà chưa giao đất cho ông T từ trước đến nay. Xét thấy tại biên bản lấy lời khai ngày 21/05/2018 (BL 87) ông S2 cũng xác định các con của ông S2, bà V đều biết việc ông S2, bà V chuyển nhượng đất cho ông T, bà N và cũng đồng ý, không ý kiến gì. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà V và các con (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S2) hoàn trả 25 chỉ vàng SJC là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo bà V cho rằng tòa án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy qua kiểm tra thủ tục tố tụng của Tòa án sơ thẩm đảm bảo trình tự thủ tục luật định nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà V.

[6] Xét lời thừa nhận của anh T1 (đại diện theo ủy quyền của bà V) tại phiên tòa phúc thẩm xác định phần đất 2.500m² thỏa thuận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/07/2014 trước giờ gia đình bà V vẫn trực tiếp quản lý sử dụng, chưa giao ông T, phù hợp với các biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Võ Văn C ngày 29/5/2023 (**BL 215**), ông Nguyễn Văn H (**BL 214**) và anh Hồ Quốc T1 (**BL 213**), xác định đất tranh chấp diện tích 2.500m², thuộc thửa 506, 875, tờ bản đồ số 6 từ trước đến nay là do bà Trần Thị V trực tiếp quản lý, sử dụng và hiện nay bà V đang trực tiếp canh tác. Do đó, trong trường hợp bà V phát hiện đất trên bị người khác chiếm sử dụng thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác là phù hợp.

Theo Công văn số 3004/CNVPĐKĐĐHTN-HCTH ngày 28/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, xác định “1. Thửa đất số 506, tờ bản đồ số 6, diện tích 406,0m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, do hộ ông Hồ Văn S2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS04389, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 12/6/2018.

2. Thửa đất số 857, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.094m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, do hộ ông Hồ Văn S2 đứng tên giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số vào số CS04360, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 31/5/2018”. Do đó, có cơ sở xác định diện tích 2.500m² thuộc thửa 506 và thửa 857, cùng tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại xã P, huyện T hiện nay vẫn do hộ ông Hồ Văn S2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Đình T không đứng tên đối với phần đất tranh chấp này.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Hồ Quốc T1 được bà Trần Thị V ủy quyền không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà Trần Thị V phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn bà Trần Thị V được miễn nộp tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 131, Điều 500, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, Điều 188 - của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T5 với bà Trần Thị Vàngông Hồ Văn S2.

2/- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Nguyễn Đình T6 Đặng Thị N, bà Trần Thị V1 Hồ Văn S2 về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

3/- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đình T6 Đặng Thị N đối với bà Trần Thị Vàngông Hồ Văn S2.

4/- Buộc bà Trần Thị V2 các con gồm: anh Hồ Quốc T1, anh Hồ Thanh T2, anh Hồ Quốc T3, chị Hồ Thị Hồng T4 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Đình T7 (Hai mươi năm) chỉ vàng SJC.

5/- Về án phí:

- Bà Trần Thị V3 người cao tuổi (hiện 64 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không đề cập xử lý.

- Anh Hồ Quốc T1, anh Hồ Thanh T2, anh Hồ Quốc T3, chị Hồ Thị Hồng T4 liên đới chịu 7.869.000đ (Bảy triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đình T9 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị V4 chịu tiền án phí phúc thẩm, do bà V là người cao tuổi (hiện 64 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí;

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành